

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC**
Số: 2394/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Yên Lạc, ngày 21 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Văn Tiến,
huyện Yên Lạc đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng và kiến trúc công trình trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Văn bản số 2923/UBND-CN3 ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc triển khai lập QHC xây dựng các xã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 1278/SXD-QHKT ngày 24/4/2020 của Sở Xây dựng Vĩnh Phúc về việc Hướng dẫn triển khai lập QHC xây dựng các xã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 27/8/2020 của UBND huyện Yên Lạc về Kế hoạch Triển khai lập Quy hoạch chung xây dựng các xã trên địa bàn huyện;

Căn cứ Văn bản số 3258/SXD-QHKT ngày 9/9/2020 của Sở Xây dựng Vĩnh Phúc về việc Triển khai lập Quy hoạch chung xây dựng các xã trên địa bàn huyện Yên Lạc;

Căn cứ Quyết định số 6134/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND huyện Yên Lạc về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế, dự toán, lập Quy hoạch chung xây dựng xã Văn Tiến, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030;

Căn cứ Thông Báo số 620-TB/HU ngày 08/7/2022 của Ban thường vụ Huyện ủy về việc đồng ý chủ trương Đồ án Quy hoạch chung xây dựng tại một số xã trên địa bàn huyện đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 2633/SXD-QHKT ngày 12/7/2022 của Sở Xây dựng về việc ý kiến nội dung đồ án QHC xây dựng xã Văn Tiến, huyện Yên Lạc;

Theo đề nghị của UBND xã Văn Tiến tại Tờ trình số 61.1/TTr-UBND ngày 18/7/2022 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Văn Tiến, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030 và đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 128/TTr-KT&HT ngày 21/7/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Văn Tiến, huyện Yên Lạc đến năm 2030, với những nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Văn Tiến, huyện Yên Lạc đến năm 2030.

2. Chủ đầu tư: UBND xã Văn Tiến.

3. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Công ty TNHH thương mại và xây dựng CTN.

4. Phạm vi ranh giới quy hoạch:

- Phạm vi: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Văn Tiến là 482,57 ha

- Ranh giới:

+ Phía Đông giáp xã Phú Xuân, huyện Bình Xuyên;

+ Phía Nam giáp xã Vạn Yên, huyện Mê Linh, TP Hà Nội;

+ Phía Tây giáp xã Nguyệt Đức.

+ Phía Bắc giáp xã Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên;

5. Quy mô dân số:

a) Dân số:

- Tổng dân số năm 2021: 7.081 người

- Tỷ lệ tăng dân số trung bình hàng năm: 1,2 %

b) Lao động:

- Tổng số lao động: 4.036 người, chiếm 57 %, trong đó:
- + Nông nghiệp: 18,5 %
- + Phi nông nghiệp (Thương mại, dịch vụ - Tiểu thủ công nghiệp, xây dựng): 81,5 %

6. Các nội dung quy hoạch xây dựng:

6.1. Bảng tổng hợp nội dung quy hoạch sử dụng đất.

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất					
STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện Trạng(ha)	đến năm 2025 (ha)	đến năm 2030 (ha)	Tỉ lệ(%)
I	Đất nông nghiệp	347,43	179,60	141,70	29,36
1.1	Đất trồng lúa	245,73	114,60	76,70	15,89
1.2	Đất trồng trọt khác	65,73	27,54	27,54	5,71
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	35,97	37,46	37,46	7,76
II	Đất xây dựng	109,03	291,87	329,77	68,34
2.1	Đất ở	68,88	80,33	118,23	24,50
2.1.1	Đất ở hiện trạng	68,88	68,88	68,88	14,27
2.1.2	Đất ở mới	0,00	11,45	49,35	10,23
2.2	Đất công cộng	7,17	10,53	10,53	2,18
2.2.1	Đất cơ quan	0,4	1,26	1,26	0,26
2.2.1.1	<i>UBND xã Văn Tiến</i>	<i>0,4</i>	<i>0,40</i>	<i>0,40</i>	<i>0,08</i>
2.2.1.2	<i>UBND xã Văn Tiến QH mới</i>	<i>0</i>	<i>0,71</i>	<i>0,71</i>	<i>0,15</i>
2.2.1.3	<i>Trụ sở công an</i>	<i>0</i>	<i>0,15</i>	<i>0,15</i>	<i>0,03</i>
2.2.2	Đất nhà văn hóa, chợ, trạm y tế, bưu điện...	3,09	4,91	4,91	1,02
2.2.2.1	<i>Sân vận động xã Văn Tiến</i>	<i>0,8</i>	<i>0,80</i>	<i>0,80</i>	<i>0,17</i>
2.2.2.2	<i>Trung tâm Văn Hóa thể thao xã</i>	<i>1,09</i>	<i>1,62</i>	<i>1,62</i>	<i>0,34</i>
2.2.2.3	<i>NVH thôn Đổng Cao</i>	<i>0,44</i>	<i>0,44</i>	<i>0,44</i>	<i>0,09</i>
2.2.2.4	<i>NVH thôn phúc Lộc</i>	<i>0,04</i>	<i>0,23</i>	<i>0,23</i>	<i>0,05</i>
2.2.2.5	<i>NVH thôn Tiên Đài</i>	<i>0,57</i>	<i>0,57</i>	<i>0,57</i>	<i>0,12</i>
2.2.2.6	<i>NVH thôn Cẩm La</i>	<i>0</i>	<i>0,19</i>	<i>0,19</i>	<i>0,04</i>
2.2.2.7	<i>NVH thôn Yên Nội</i>	<i>0</i>	<i>0,20</i>	<i>0,20</i>	<i>0,04</i>
2.2.2.8	<i>Trung tâm y tế</i>	<i>0,12</i>	<i>0,83</i>	<i>0,83</i>	<i>0,17</i>
2.2.2.9	<i>Bưu Điện</i>	<i>0,03</i>	<i>0,03</i>	<i>0,03</i>	<i>0,01</i>
2.2.3	Đất giáo dục	3,68	4,36	4,36	0,90

2.2.3.1	<i>Trường tiểu học</i>	0,7	0,70	0,70	0,15
2.2.3.2	<i>Trường THCS</i>	0,95	0,95	0,95	0,20
2.2.3.3	<i>Trường Mầm non Văn Tiến</i>	0,52	0,00	0,00	0,00
2.2.3.4	<i>Trường Mầm non Tiên Đài</i>	0,13	0,00	0,00	0,00
2.2.3.5	<i>Trường Mầm non QH mới</i>	0	1,33	1,33	0,28
2.2.3.6	<i>Trung tâm dạy nghề Minh Tiến</i>	1,38	1,38	1,38	0,29
2.3	Đất cây xanh thể dục thể thao	0	8,08	8,08	1,67
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0,96	0,93	0,93	0,19
2.4.1	<i>Đền Đổng Cao</i>	0,03	0,03	0,03	0,01
2.4.2	<i>Đình, Chùa Đổng Cao</i>	0,41	0,41	0,41	0,08
2.4.3	<i>Đình, Chùa Yên Nội</i>	0,14	0,14	0,14	0,03
2.4.4	<i>Đình Phúc Cầm</i>	0,07	0,07	0,07	0,01
2.4.5	<i>Đình Cầm La Phúc Cầm</i>	0,08	0,08	0,08	0,02
2.4.6	<i>Đình, Chùa Tiên Đài</i>	0,23	0,23	0,23	0,05
2.4.7	<i>Miếu</i>	0,002	0,002	0,002	0,00
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	0,00	157,26	157,26	32,59
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	0,00	4,47	4,47	0,93
2.7	Đất hạ tầng kỹ thuật	32,02	30,27	30,27	6,27
2.7.1	Đất giao thông	28,98	25,40	25,40	5,26
a	Đất giao thông đối ngoại	2,57	5,02	5,02	1,04
b	Đất giao thông đối nội	26,41	19,70	19,70	4,08
c	Đất bãi đỗ xe	0,00	0,68	0,68	
2.7.2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	2,42	2,83	2,83	0,59
2.7.3.1	<i>Nghĩa trang Liệt Sỹ</i>	0,18	0,18	0,18	0,04
2.7.3.2	<i>Nghĩa trang Yên Nội</i>	0,37	0,37	0,37	0,08
2.7.3.3	<i>Nghĩa trang nhân dân Yên Nội</i>	0,34	0,34	0,34	0,07
2.7.3.4	<i>Nghĩa trang Phúc Cầm, Tiên Đài</i>	0,41	0,41	0,41	0,08
2.7.3.5	<i>Nghĩa trang Tiên Đài</i>	0,65	0,65	0,65	0,13
2.7.3.6	<i>Nghĩa trang Đổng Cao</i>	0,47	0,88	0,88	0,18
2.7.3	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,62	2,04	2,04	0,42

2.7.3.1	<i>Trạm bơm</i>	0,04	0,00	0,00	0,00
2.7.3.2	<i>Khu xử lý rác thải</i>	0,00	1,19	1,19	0,25
2.7.3.3	<i>Đất bãi rác</i>	0,58	0,85	0,85	0,18
III	Đất khác	26,11	11,10	11,10	2,30
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	25,69	11,10	11,10	2,30
3.2	Đất chưa sử dụng	0,42	0,00	0,00	0,00
	Tổng diện tích lập quy hoạch	482,57	482,57	482,57	100,00

6.2. Phân khu chức năng

Phân chia thành các khu vực sau:

- Khu trung tâm xã.
- 05 khu dân cư: các thôn Đồng Cao, Thôn Yên Nội, Thôn Phúc Lộc, thôn Phúc Cẩm và thôn Tiên Đài
- 01 khu vực phát triển công nghiệp: tại phía Bắc của xã
- 01 khu phát triển thương mại, dịch vụ: Khu vực giáp khu Công Nghiệp.
- Khu vực phát triển nông nghiệp: khu vực còn lại, chủ yếu nằm ở phía Bắc của xã.

6.3. Định hướng tổ chức không gian các khu chức năng

6.3.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo thôn

a) Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã

- Tận dụng và chỉnh trang các công trình và hệ thống cơ sở hạ tầng hiện có, khai thác triệt để cảnh quan môi trường, địa hình, tránh san ủi nhiều gây xáo trộn lớn.
- Bố trí các công trình công cộng theo hướng tập trung tạo kết nối không gian phục vụ công cộng và là điểm nhấn không gian xã.

b) Định hướng tổ chức các khu dân cư mới

- Phát triển các điểm dân cư theo hướng tập trung, có điều kiện thuận lợi về hạ tầng chung, hạn chế phát triển các điểm dân cư nhỏ lẻ, phân tán.
- Phát triển các khu dân cư mới kết nối với các khu dân cư hiện có, đảm bảo nhu cầu phát triển về đất ở theo quy mô dân số.

c) Định hướng cải tạo các thôn cũ

- Giữ hệ thống 05 khu dân cư bao gồm: các thôn Đồng Cao, Thôn Yên Nội, Thôn Phúc Lộc, thôn Phúc Cẩm và thôn Tiên Đài
- Các khu dân cư chủ yếu được giữ nguyên, bổ sung, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

6.3.2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ

a) Công trình trụ sở cơ quan hành chính nhà nước: Quy hoạch mới vị trí trụ sở UBND; trụ sở Trạm y tế (Khu vực trường mầm non cũ), Bưu điện và trụ sở công an giữ nguyên.

b) Công trình văn hoá: Mở rộng trung tâm văn hóa xã và xây mới nhà văn hóa thôn Yên Nội, thôn Cẩm La, thôn Phúc Cẩm, các nhà văn hóa thôn khác giữ nguyên.

c) Công trình giáo dục: Xây mới trường mầm non, mở rộng trường tiểu học và trường THCS.

d) Công trình tôn giáo, tín ngưỡng: Giữ nguyên.

e) Công trình thương mại, dịch vụ: Quy hoạch mới tại 02 vị trí.

f) Hệ thống cây xanh công cộng: Bố trí tại khu trung tâm xã và tại các thôn, khu dân cư mới.

6.4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.4.1. Giao thông

a) Giao thông đối ngoại:

- Đường huyện cầu trắng- can bi theo quy hoạch mặt cắt 24m.

- Tuyến đường từ trường tiểu học Văn Tiến đi TTVH xã Nguyệt Đức mặt cắt 19,5 m.

b) Giao thông đối nội:

- Đối với các tuyến đường xây dựng mới, mặt cắt tối thiểu 13,5m.

- Đối với các tuyến đường trục chính của thôn, cải tạo, nâng cấp, mặt cắt 7,5-9,5 m.

- Đối với các tuyến đường liên thôn, đường chính các thôn cải tạo, nâng cấp, mặt cắt 5,5-7,5 m

(Đối với tuyến đường giao thông liên thôn đi qua khu dân cư, nếu không thể mở rộng thì giữ nguyên mặt cắt hiện trạng).

6.4.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất đai

a) Cao độ nền:

- Đối với các thôn xóm hiện đã có mật độ xây dựng tương đối ổn định, khi xây dựng xen kẽ, bổ sung thêm công trình hoặc cải tạo nâng cấp công trình cũ cần khống chế cao độ nền, đảm bảo sự kết hợp hài hoà và không làm ảnh hưởng đến nền chung khu vực.

- Đối với các khu vực dự kiến phát triển ở phía Nam, do chủ yếu là nền ruộng lúa, màu nên phải đắp nền. Cao độ khống chế nền xây dựng lấy cao hơn cốt nền đường từ 0,2 - 0,3m. Độ dốc nền sau khi cải tạo: $i > 0,002$, hướng dốc nền về phía hệ thống cống thoát nước.

b) Thoát nước mưa:

- Khu vực quy hoạch được chia thành 3 lưu vực thoát nước:

+ Lưu vực 1 (LV1): Khu vực thôn Đông Cao, một phần thôn Yên Nội chảy theo các rãnh, mương, ao đầm sau đó thoát về phía Bắc cầu xã rồi chảy ra sông Cà Lồ.

+ Lưu vực 2 (LV2): một phần Khu vực thôn Yên Nội và thôn Phúc Cẩm thoát ra khu vực kênh.

+ Lưu vực 3 (LV3): Khu vực thôn Cẩm La và thôn Tiên Đài thoát ra sông Cà Lồ.

- Giải pháp thoát nước mưa:

+ Điểm thoát nước mưa cuối cùng là sông Cà Lồ.

+ Trên cơ sở quy hoạch chiều cao, thiết kế hệ thống các tuyến cống thoát nước mưa tự chảy. Nước mưa trên khu vực được thu bởi các giếng thu nước mưa và được vận chuyển bởi các tuyến cống đặt dọc theo các tuyến đường, thoát về phía sông Cà Lồ.

6.4.3. Cấp nước

a) Nguồn cấp nước: Được lấy từ nhà máy nước Sông Hồng $Q = 900.000$ m³/ngđ (Đây là dự án cấp nước phục vụ cho khu vực phía Nam tỉnh Vĩnh Phúc) hoặc các nhà máy nước sạch ở các khu vực lân cận khác có công suất đảm bảo phục vụ cho nhu cầu của nhân dân.

b) Mạng lưới cấp nước: Vật liệu đường ống dẫn nước: Sử dụng ống HDPE. Tuyến ống cấp nước chính chôn sâu từ 0,5 đến 1m. Tuyến ống cấp nước dịch vụ chôn sâu từ 0,3 đến 0,5m.

6.4.4. Cấp điện

a) Nguồn cấp điện

- Nguồn điện: lấy từ đường dây 35KV trên địa bàn xã

- Trạm biến áp:

+ Nguồn điện cấp từ 07 trạm biến áp hiện có.

+ Xây mới: 03 trạm.

b) Mạng lưới cấp điện

- Đường dây trung thế:

+ Tuyến đường dây 35KV hiện có dự kiến quy hoạch cải tạo nâng cấp đảm bảo chức năng, an toàn.

- Đường dây hạ thế: Sử dụng mạng lưới đường dây 0,4KV cung cấp điện chiếu sáng giao thông và điện sinh hoạt bằng hệ thống đường dây đi trên cột li tâm đặt trên vỉa hè của các tuyến giao thông.

6.4.5. Thoát nước thải

a) Giải pháp thoát nước:

- Chọn loại hình hệ thống thoát nước nửa riêng cho các điểm XLNT. Bằng biện pháp đầu tư giếng tách và tuyến cống bao dẫn nước thải về TXLNT, còn nước mưa sẽ được tách riêng theo một tuyến khác xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sinh hoạt các khu dân cư, các công trình công cộng được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi đổ vào các tuyến cống thu gom.

- Nước thải công nghiệp được xử lý riêng trước khi đổ vào tuyến thoát thải chung.

- Xây dựng mới các tuyến rãnh để thu gom nước thải sinh hoạt, đường kính rãnh B = 400, 500, 600mm.

b) Lưu vực thoát nước thải:

Chia làm 03 lưu vực thoát theo địa hình tự nhiên theo các lưu vực thoát nước mưa.

+ Lưu vực 1 (LV1): Khu vực thôn Đông Cao, một phần thôn Yên Nội;

+ Lưu vực 2 (LV2): một phần Khu vực thôn Yên Nội và thôn Phúc Cẩm;

+ Lưu vực 3 (LV3): Khu vực thôn Cẩm La và thôn Tiên Đài.

c) Vị trí trạm xử lý, công nghệ, công suất

- Trạm xử lý nước thải: Xây dựng 03 trạm XLNT dạng phân tán, xử lý cục bộ cho các thôn theo các lưu vực thoát nước. Công suất mỗi trạm: Từ 150-200m³/ngày. Diện tích đất khoảng 2.000-3.000m²/trạm

- Công nghệ: Một số các dây chuyền công nghệ xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên đã được áp dụng hiệu quả với hệ thống cống chung. Mô hình xử lý phân tán áp dụng các công nghệ xử lý này đã chứng tỏ hiệu quả xử lý tại nhiều nơi tại Việt Nam cũng như trên thế giới.

6.4.6. Xử lý chất thải và nghĩa trang

a) Xử lý chất thải

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom hàng ngày bằng các xe thu gom chất thải rắn đẩy tay về các điểm tập kết, sau đó chất thải rắn sẽ được đưa lên xe ô tô chở rác đưa về bãi xử lý rác chung của khu vực.

- Các thùng rác công cộng loại 0,15 m³ ven đường, khoảng cách giữa 2 thùng rác 50m.

- Giữ nguyên và mở rộng vị trí tập kết chất thải tại vị trí cũ. Bố trí dải cây xanh cách ly xung quanh tối thiểu 10m.

b) Nghĩa trang

- Nghĩa trang liệt sỹ: Giữ nguyên vị trí; cải tạo, chỉnh trang khuôn viên tổng thể.

- Nghĩa trang nhân dân: Quy hoạch mở rộng nghĩa trang Đông Cao, giữ nguyên các nghĩa trang tại các thôn hiện có. Bố trí dải cây xanh cách ly xung quanh tối thiểu 10m.

6.4.7 Vệ sinh môi trường.

a, Các giải pháp bảo vệ môi trường

- Định hướng quy hoạch hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn:
- Bố trí hệ thống điểm thu gom, mỗi điểm bố trí thùng đựng rác có nắp đậy dung tích thùng 1m. Các thùng thu gom chất thải rắn được đặt ở các vị trí thuận tiện, dễ nhìn thấy dọc theo tuyến đường. Đội vệ sinh môi trường sẽ thu dọn hàng ngày chất thải rắn này cùng với rác quét đường.

b, Phương pháp xử lý :

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom hàng ngày bằng các xe thu gom chất thải rắn đẩy tay về các điểm tập kết, sau đó chất thải rắn sẽ được đưa lên xe ô tô chở rác đưa về bãi xử lý rác chung của khu vực.

- Các thùng rác công cộng loại 0,15 m³ ven đường, khoảng cách giữa 2 thùng rác 50m.

c, Các biện pháp bảo vệ môi trường.

- Thành lập Đội quản lý môi trường kết hợp với cơ quan chức năng của xã làm nhiệm vụ quản lý và bảo vệ môi trường. Thực hiện việc đảm bảo an ninh trật tự, duy trì nếp sống lành mạnh trong cộng đồng dân cư...

- Xây dựng kế hoạch quan trắc, giám sát và cảnh báo những tác động tiêu cực đến môi trường.

- Dự báo và đánh giá tác động tới các thành phần môi trường: Tác động đến môi trường kinh tế xã hội; môi trường nước; môi trường không khí; môi trường đất; Chất thải rắn; Hệ sinh thái.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Giao UBND xã Văn Tiến tổ chức công bố, công khai đề án Quy hoạch chung xây dựng xã Văn Tiến, huyện Yên Lạc đến năm 2030 theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - KH, Tài nguyên & MT; Chủ tịch UBND xã Văn Tiến; Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTHU, TT HĐND huyện (B/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Thái Dương